TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HN-ST
Ngày: 06/6/2019
V/v "*Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Văn Hứng**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng**

2. Bà **Trần Thị Dung**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Huỳnh Quốc Sang** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Thùy Ngân** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 196/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 về *"Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 326/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự :

- <u>*Nguyên đơn*</u>: Bà **Trần Thị D H**, sinh năm 1991 (*Có mặt*).

Địa chỉ: KDC A, phường B, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- <u>*Bị đơn*</u>: Ông **Vương H1**, sinh năm 1989 (*Có mặt*).

Địa chỉ: đường P, phường K, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** <u>*Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn – Bà Trần Thị D H trình bày*</u>:

Vào năm 2012, bà và ông Vương H1 có gặp gỡ và tìm hiểu nhau, đến tháng 11/2015 gia đình hai bên có tổ chức đám cưới với sự chứng kiến của gia đình hai họ. Tuy nhiên, giữa bà với ông H1 chưa thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền.

Hai vợ chồng sống với nhau đến khoảng cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, lý do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp với nhau dẫn đến thường

xuyên cãi vả, sau nhiều lần hàn gắn nhưng không được. Nhận thấy không thể có một cuộc sống hạnh phúc, không thể tiếp tục sống chung với nhau nữa, tình trạng hôn nhân đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và cần phải ly hôn để tạo điều kiện cho cả hai có thể tạo dựng cuộc sống mới của mình. Tuy nhiên, do vợ chồng không đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn - Ông Vương H1 trình bày:*

Ông thống nhất với phần trình bày của bà Trần Thị D H về quan hệ hôn nhân, do mâu thuẫn giữa ông và bà H không thể hàn gắn, đoàn tụ với nhau nên ông thống nhất với yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án tuân theo pháp luật; việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về giải quyết vụ án: Từ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa bà Trần Thị D H và ông Vương H1 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015 nhưng không đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân không hợp pháp.

Vì vậy, việc bà H yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Vương H1 là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Bà Trần Thị D H và ông Vương H1 chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Do việc chung sống không hạnh phúc nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án án không công nhận quan hệ vợ chồng, quan hệ pháp luật được xác định là *"Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều

theo quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xét bà Trần Thị D H và ông Vương H1 chung sống với nhau từ năm 2015 nhưng không đăng ký kết hôn và đến thời điểm hiện tại các bên vẫn chưa đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, giữa hai bên không phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng với nhau theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã phân tích, động viên các bên hàn gắn, đoàn tụ và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng cả bà H và ông Hưng đều xác định quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, dẫn đến tình cảm không còn. Các bên thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

Đối chiếu với các quy định Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình thì yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng là có căn cứ chấp nhận.

- *Về con chung*: Không có.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Trần Thị D H và ông Vương H1 khai thống nhất là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

[3] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Nguyên đơn chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Với những phân tích nêu trên về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung này là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 8 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 206, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 19, khoản 2 Điều 53, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Tuyên xử*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị D H.

- *Về quan hệ hôn nhân*:

Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị D H và ông Vương H1.

- *Về con chung*: Không có.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

2. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Nguyên đơn bà Trần Thị D H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*). Chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 000873 ngày 27/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ thành án phí hôn nhân phải chịu, bà H không phải nộp thêm.

3. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.NK;
- Chi cục THADS Q.NK;
- TAND TP.CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Văn Hứng